TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 880/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2019
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Đặng Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 3049/15 đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 12 đường Đ, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Thị Bích L, Luật sư của Văn phòng Luật sư H và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 535 đường N, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 19 đường Đ, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 1387 đường B, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 12 năm 2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Bà L và ông Huỳnh Thanh T chung sống vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số: 1/2008 cấp ngày 20/5/2008. Trong thời gian chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T ham chơi, không chăm lo cho gia đình. Bà L đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông T vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm là vào cuối năm 2018 ông T đã đuổi bà L ra khỏi nhà. Hiện tại bà L và ông T đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nên bà L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại được nữa. Tại phiên toà, Bà L đề nghị Toà án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T. Về con chung: có 02 con chung tên là Huỳnh Thanh Thuỷ T, sinh ngày: 27/8/2010 và Huỳnh Nam T, sinh ngày: 08/6/2013 ngoài ra không có con chung nào khác. Bà Nguyễn Thị Cẩm L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; Không yêu cầu ông Huỳnh Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 3 năm 2019, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25 tháng 3 năm 2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn là ông Huỳnh Thanh T trình bày: Mâu thuẫn phát sinh giữa 02 vợ chồng từ 2, 3 năm trở lại đây mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu trong cách nuôi dạy các con. Từ ngày 04/01/2019 hai vợ chồng xung đột dẫn đến bà L có dọn về gia đình mẹ ruột sống cho đến nay. Bà L cho rằng ông T ham chơi không chăm lo cho gia đình là suy diễn, ông T chỉ chơi giải trí chứ không làm gì ảnh hưởng đến công việc hiện tại cũng như gia đình. Bản thân ông T thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng dẫn đến việc ly hôn. Ông T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được đoàn tụ gia đình. Về con chung: có 02 con chung tên là Huỳnh Thanh Thuỷ T, sinh ngày: 27/8/2010 và Huỳnh Nam T, sinh ngày: 08/6/2013 ngoài ra không có con chung nào khác. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Đào Thị Bích L trình bày: Trong thời gian chung sống bà L và ông T bất đồng quan điểm, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Hiện đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm L xin ly hôn ông Huỳnh Thanh T; Về con chung: Giao 02 con chung tên là Huỳnh Thanh Thuỷ T và Huỳnh Nam T cho bà L nuôi dưỡng vì hiện nay thu nhập bình quân của bà L là 24.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để chăm lo, nuôi dưỡng các con. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số: 1/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2008 cho bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Huỳnh Thanh T; Trích lục khai sinh số 452/TLKS-BS ngày 10/8/2016; Bản sao Giấy khai sinh số 235, quyển số: 1/2013 ngày 15/7/2013 Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm L thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Huỳnh Thanh T chung sống vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số: 1/2008 cấp ngày 20/5/2008 nên xác đinh đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét việc Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Thanh T đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà L nhưng ông T không đến. Chứng tỏ ông T thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn của vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung của vợ chồng; Nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Tòa án xem xét giải quyết ly hôn.

[5] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm L xin ly hôn với ông Huỳnh Thanh T do trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T ham chơi, không chăm lo cho gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông Tvẫn không thay đổi. Nên bà L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại được nữa. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng bà L và ông T vẫn sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà

Nguyễn Thị Cẩm L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông T có có 02 con chung tên là Huỳnh Thanh Thuỷ T, sinh ngày: 27/8/2010 và Huỳnh Nam T, sinh ngày: 08/6/2013 ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; Bà Lcó nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; Không yêu cầu ông Huỳnh Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của bà L phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án quyết định giao 02 con chung tên là Huỳnh Thanh Thuỷ T và Huỳnh Nam T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà L không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T khai không có nên Tòa án không xem xét.

[8] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm L xin ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

2. Về con chung: có 02 con chung tên là Huỳnh Thanh Thuỷ T, sinh ngày: 27/8/2010 và Huỳnh Nam T, sinh ngày: 08/6/2013 ngoài ra không có con chung nào khác. Giao 02 con chung tên là Huỳnh Thanh Thuỷ T và Huỳnh Nam T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà L không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0018947 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P. 7 Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cửu Thị Mẫn